

Tình Thương và Từ Bi

(Trích trong bài Dân Tộc và Phật Giáo)

1.0 Lời Dẫn Nhập

Một vài người ngoại quốc như học giả Oliver Old Man (giáo sư luật học kiêm giám đốc trung tâm nghiên cứu luật pháp Đông Á của đại học luật Harvard), học giả Keith Weller Taylor, v.v... đã nhận định sai lầm về nếp sống chan hòa tính người và tình người của người nông dân Việt ngày xưa như năm anh mù sờ voi. Họ cho rằng ảnh hưởng của Phật giáo trên nhân quyền toàn vẹn con người dưới thời Lý Trần.

Một số người Việt dựa vào tài liệu của người ngoại quốc cho rằng Phật giáo là nền của ngôi nhà văn hóa (!) là móng của nền độc lập tự chủ Việt Nam (!)

Rồi một số người Việt sùng đạo Phật đến độ mê tín, không đứng được trên hai chân của chính mình nên không thấy được người nông dân Việt ngày xưa sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời đã lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc, trước khi thái tử Tất Đạt Đa sinh ra đời (vào năm 623 trước tây lịch). Họ nhắm mắt bịt tai hòa theo người ngoại quốc cho rằng các vua Lý Trần có lòng nhân từ, thương dân và truyền thống nhân quyền Việt Nam thể hiện dưới thời Lý Trần do ảnh hưởng của Phật giáo.

Nói như thế là gián tiếp miệt thị tổ tiên người Việt không bằng loài vật.

1.1 LOÀI VẬT CŨNG CÓ TÌNH THƯƠNG

Trên các mạng lưới toàn cầu đã phổ biến hình ảnh một con chó chết giữa đường phố, một con chó khác kéo đồng loại vào lề đường trước mắt người qua đường.

Một con sóc tấn công con chó, đoạt lại con mình, rồi nhảy phốc lên cây. Ở thôn quê Việt Nam ai cũng thấy cảnh “mẹ gà” nuôi bầy con vịt đến nổi thân xác xơ. Khi điều hâu hay quạ tấn công, mẹ gà mở đôi cánh cho con trú ẩn, lấy thân che con. Phải chăng đó là nhờ Phật giáo mà những con vật đó có tình thương không?

Tình thương ở đâu cũng có mà có người nhắm mắt bịt tai vo tròn bóp méo nếp sống tràn đầy tính người và tình người của ông cha tổ tiên. Họ cho rằng các vua Lý Trần có lòng nhân, thương người, thương dân là nhờ Phật giáo du nhập vào nước ta. Nói như thế là coi thường tổ tiên mình thua kém hơn con chó, con sóc, con gà nói trên.

1.2 TỪ BI VÀ THÁI TỬ TẤT ĐẠT ĐA

Tình thương yêu là đức lớn của trời đất, loài nào cũng có, dân tộc nào cũng có sẵn trong lòng của mỗi người; duy mỗi loài, mỗi dân tộc biểu hiện cụ thể ở góc độ khác nhau qua những hình thức khác nhau của tình thương.

Đa số Phật tử thuần thành Việt Nam bỏ rất nhiều thời giờ, sinh lực, để hết tâm học hỏi đủ loại kinh điển (kinh nguyên thủy, kinh đại thừa, thiên, luận, v.v...) theo đủ loại thầy (thầy Tàu, thầy Tây Tạng, thầy Thái Lan, thầy Miến Điện, thầy Việt Nam) nhưng không có kinh điển nào, thầy nào chỉ cho thấy một sự kiện vô cùng quan trọng: từ lúc sinh ra, lớn lên, trưởng thành ngộ đạo cho đến Phật niết bàn, thái tử Tất Đạt Đa, Đức Phật chưa bao giờ thấy tận mắt một xã hội có

tính người và tính người. Suốt đời Ngài sống trong xã hội phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt, còn tệ hại hơn chế độ nô lệ nông nô và phân chia giai cấp ở Tây Phương và Trung Quốc. Nếu không nhắm mắt bịt tai thì thấy ngay từ bi không thể nảy nở và phát triển trong xã hội phân chia đẳng cấp.

Ngài trực nhận từ bi trong khi giác ngộ, với tâm tĩnh lặng, chứ không phải trên dòng sống sinh động hiện thực của con người trong môi trường thiên nhiên và xã hội biến dịch không ngừng nghỉ.

Sau khi giác ngộ, Ngài đi khắp nơi thuyết phục dân Ấn Độ phá bỏ đẳng cấp để thực hiện từ bi trong cuộc sống. Sự phân chia đẳng cấp vẫn tồn tại đến thế kỷ 20 và hiện nay vẫn còn rơi rớt ở vài nơi trên đất Ấn Độ. Cho đến ngày đức Phật nhập niết bàn, hạt giống từ bi trong lòng người Ấn Độ không có điều kiện thuận lợi nảy nở. Từ bi không thể phát triển trong môi trường phân chia đẳng cấp khắc nghiệt. Hạt lúa không thể nảy nở trên mảnh đất khô cằn sỏi đá được.

1.3 TÌNH THƯƠNG PHÁT SINH TỪ NỘI TÂM

Trong kinh điển cũng như trong lời thuyết giảng không có tình thương đích thực mà chỉ có khái niệm về tình thương, nói về tình thương.

Tình thương bắt nguồn từ Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) qua cảm nhận, chuyển tải của người mẹ, tâm truyền tâm đến thai nhi; truyền thụ từ người qua người, không qua chữ nghĩa (sách vở, kinh điển) mới là tình thương hồn nhiên trong sáng, không mang nhãn hiệu phe nhóm, ý thức hệ, không mang màu sắc tôn giáo. Tình thương phát sinh từ nội tâm con người, được nuôi dưỡng từ người mẹ là tình thương hồn nhiên trong sáng.

Cho nên tình thương không thể học hỏi từ bên ngoài con người. Tình thương không cần chứng minh bằng giáo lý. Tình thương là tình thương; tình thương không chấp nhận mổ xẻ phân tích, định nghĩa bằng ngôn từ chữ nghĩa. Tình thương không phải đọc tụng, cầu xin. Tình thương không phải trí nhớ. Tình thương cũng không thể trao truyền. Chúng ta không thể nhồi nhét tình thương vào tâm hồn mình được.

Như vậy, các nhà sư Ấn Độ không thể mang từ bi đích thực đến nước ta được. Họ chỉ mang kinh điển nói về khái niệm của từ bi. Khái niệm, định nghĩa, lời thuyết giảng chỉ giới thiệu sự thật. mô tả sự thật chứ không phải là sự thật. Đó là trò chơi lý trí chỉ để thỏa mãn những người nô lệ sách vở kinh điển.

1.4 TÌNH THƯƠNG TRONG NỀN VĂN HÓA VIỆT

- 1.4.1 Tình thương phát sinh từ lòng người

Tình thương trong nếp sống Việt không phát xuất từ lời thuyết giảng của một người ngộ đạo. Trong điều kiện nền tảng địa lý và môi trường sống với nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước, tình thương phát sinh từ lòng người, phát triển tự nhiên trong nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (*hòa cả làng*), sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình. Với đạo lý thương người như thể thương thân.

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước là nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (*hòa cả làng*) lấy con người làm gốc trong mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần, với sự tận tình giúp đỡ nhau (tinh thần tương trợ) trên đồng ruộng (vận công / đổi công, nay giữa mai ta) cũng như trong đời sống hằng ngày (có việc thì đến hết việc thì đi), có đi có lại mới toại lòng

nhau, coi nhau như bát nước đầy là hơn lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau, *một bồ cái lý không bằng một tí cái tình, hòa cả làng*, ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn...

Nếp sống tràn đầy tình người và tình người đó tác động vào hạt giống tình thương trong lòng đã được mẹ cảm nhận từ thiên thư vô ngôn của trời đất, chuyển tải, cấy trồng vào lòng thai nhi, tâm truyền tâm, có điều kiện thuận lợi nảy nở, phát triển tự nhiên, thể hiện trong nếp sống.

Tình thương đã cũng cố lòng trắc ẩn và tinh thần tương thân tương ái, yêu thương quý mến nhau tha thiết, *“làm người ta phải yêu ta, có lòng trắc ẩn mới ra con người”* (Phan Bội Châu).

- 1.4.2 Có tình thương là có tất cả

Tình thương hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội. Tình thương xoa dịu những bất hạnh trong xã hội, thương nhau củ ấu cũng tròn, dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng. Có tình thương là có tất cả: bao dung, vị tha, hài hòa nhân nghĩa, khoan hòa, v.v... Dần dần tình thương trở thành đạo lý dân tộc, *thương người như thể thương thân*, đặt cơ sở cho quan niệm sống xem tha nhân như người ruột thịt trong gia đình qua cách xưng hô tràn đầy thân thương có một không hai trên thế giới: *chú, bác, cô, dì, cậu, mẹ, anh, chị, em*, v.v... Tình thương cũng là nền móng của dòng tâm thức dân tộc.

- 1.4.3 Tình thương truyền từ tâm qua tâm

Tình thương không truyền qua tri thức mà truyền vào tâm thức người Việt Nam từ mấy ngàn năm, trở thành dòng tâm thức tình thương của dân tộc. Nói cách khác người Việt Nam đã lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc. Tình thương là đạo lý của dân tộc.

“Đạo lý tình thương” trong nếp sống Việt không mang tính triết học, bác học hay tôn giáo, không có kinh điển, sách vở, không nhằm mục đích nâng cao tư duy triết lý mà chỉ nhằm phát triển tâm tư và tình cảm nơi cuộc sống. Người Việt Nam trước khi tiếp xúc với Phật giáo đã sống trong tình thương giống như sống trong không khí, hít, thở một cách tự nhiên không cần phải giải thích, thuyết phục dông dài. Không ai dạy trẻ sơ sinh bú và thở cả.

Đạo lý tình thương không truyền thụ kiến thức mà chỉ phổ biến kinh nghiệm sống, trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một lần trải qua, không phải là trò chơi trí tuệ mà là cuộc sống theo đạo làm người, vào đời để chuyển hóa thăng hoa con người và cuộc sống.

- 1.4.4 Tình thương tràn ngập trong đời sống

Đạo lý tình thương không có những tác phẩm thành văn, kinh sách theo kiểu hàn lâm mà chỉ có những huyền thoại truyền khẩu những chuyện kể mang tính dân gian, những câu ca dao tục ngữ có vần có điệu, dễ hiểu, dễ nhớ, gợi hình gợi cảm, ngắn gọn khơi động lòng người, biết được ý tưởng để sống chứ không cần nhớ lời, hệ thống, thành kinh điển.

Tình thương bàng bạc tràn ngập khắp nơi trong từng giây phút của cuộc sống một cách sinh động, chứ không bị đóng khung trong chữ nghĩa và chết cứng vô tri vô cảm trong kinh điển, như trong các nền văn hóa khác.

- 1.4.5 Thần tổ kép Tiên Rồng là biểu tượng của tình thương và trí tuệ

Tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc Việt trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm. Tình thương và trí tuệ được huyền thoại hóa qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng. Thần tổ kép Tiên Rồng của dân Việt là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích tình thương và trí tuệ. Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân), Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí). Biểu tượng mẹ Tiên Âu Cơ và cha Rồng Lạc Long chính là biểu hiện rục rờ của tình thương và trí tuệ để con cái Việt noi theo.

Tình thương không ghi trên giấy trắng mực đen, không lý luận dài dòng, không khắc trên bia đá mà tạc vào lòng, ghi vào tâm thức, không nhồi nhét vào đầu mà đưa vào giòng máu, đem sức sống chan hòa tính người và tình người (nhân bản và hiện thực) cho dân tộc bằng nghệ thuật dân gian với những câu có vần, có điệu dễ hiểu, dễ nhớ gọi hình, gọi cảm khơi động lòng trắc ẩn.

*Nhiều điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
May thay ở chốn bình yên,
Thấy người hoạn nạn nở quên sao đành.
Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn.
Thương người bớt miệng mà cho.*

Rất thực tế, “*thương người, người thương lại ta*”, rồi tự cảm nhận, tự thấu hiểu trong đời sống “*ghét người thì lại hóa ra ghét mình*”. Để rồi không còn phân biệt “*mình người*”

“Thương người như thể thương thân”.

“*Mình – người*” cũng mất luôn, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người

*Một miếng khi đói bằng một gói khi no.
Lá lành đùm lá rách.*

Tình thương được mở rộng cho cả nhân loại:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

- 1.4.6 Tình thương xuất phát từ lòng người

Điểm đặc biệt là sự giúp đỡ người khác trong nếp sống Việt phát xuất từ lòng người, từ lòng trắc ẩn của con người (*thấy người hoạn nạn nở quên sao đành*), chứ không phải do lời Phật (hay Chúa) chỉ dạy qua kinh điển.

“*Bớt miệng mà cho*”, “*nhường miếng ăn*”, chứ không phải đem của dư thừa ra “*bố thí*” để thân chứng tâm linh.

Giúp đỡ là giúp đỡ, không tính toán hơn thiệt. Nó phát xuất từ chính lòng người một cách tự nhiên, từ lòng trắc ẩn (*nở quên sao đành*), chứ không phát sinh từ lời dạy của một người ngộ đạo. Lời dạy của người ngộ đạo đã trở thành khái niệm qua kinh điển. Trong thâm tâm thầm kín xem người được giúp đỡ là phương tiện thực hiện đại hạnh Bồ Tát trong “*lục độ*” (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, v.v...) để giải thoát hoặc đầu tư ở kiếp sau. Đạo lý của dân tộc Việt Nam, đạo lý tình thương, không bàn về khiếp sau, không nói đến Niết Bàn hay Thiên Đàng (dĩ nhiên không tạo tâm chấp trước), chỉ thuận lý theo thiên nhiên sống trọn vẹn với cuộc sống (với hiện tiền, với cái đang xảy ra).

Hãy lắng lòng trở về thời kỳ Phật giáo chưa du nhập vào Việt Nam mới cảm nhận được người nông dân Việt ngày xưa đã được xông ướp trong môi trường xã hội chan hòa tình thương. Đồng thời buông thả tâm tư tình cảm hòa điệu với tiếng nói tâm thức của dân tộc, lấy tình thương xây dựng tâm thức của dân tộc. Từ đó mới thấu hiểu tại sao người Việt xem mọi người trong xã hội như là người thân trong gia đình qua cách xưng hô đầy thân thương có một không hai trên thế giới: *chú, bác, cô, dì, cậu, mợ, anh, chị, em*, v.v... Tình thương bàng bạc tràn ngập khắp nơi chuyển hóa cuộc sống đầy nhân tính và tình người ngay tại đây và bây giờ.

“*Thương người bớt miệng mà cho*”, chỉ có 6 chữ mà diễn tả trọn vẹn mỗi tương cảm giữa

người với người. “*Bớt miếng mà cho*” là chia sẻ, cùng nhau hưởng mỗi người một phần, chia sẻ ngọt bùi với người thân (chú, bác, cô, dì) trước mắt hàng ngày ngay tại đây và bây giờ.

“*Nhường miếng ăn*” nói lên đầy đủ hương vị cũng như sự kỳ diệu của tình thương xoa dịu những bất hạnh trong gia đình cũng như ngoài xã hội “*thương nhau củ ấu cũng tròn, dù trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng*”. “*Nhường miếng ăn*” là san sẻ có nghĩa là chia bớt phần của mình cho người khác (xem như người thân trong gia đình), chứ không phải đem của dư thừa bỏ thí để thực hiện một trong sáu đại hạnh của người phát tâm Bồ Tát, ngõ hầu đến bờ bên kia, bờ giác ngộ. “*Bớt miếng mà cho*” nhường miếng ăn là thể hiện thể nghiệm bằng chính cõi lòng mình trong cuộc sống hiện thực, trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ.

Mặt khác, khi nói “hãy từ bi”, thì lòng trắc ẩn của đại đa số tám chục triệu người dân Việt không rung cảm, rung động như khi nói “hãy thương yêu mọi người”; xúc cảm làm sao được khi nó không đi vào lòng người, không đi vào tâm thức mà phải qua lý trí, từ chữ Ấn Độ qua chữ Tàu (từ bi) rồi phải có người trung gian (các sư) giải thích dong dài từ là gì, bi là gì, rồi từ bi là gì?

Như thế còn quanh quẩn trong chữ nghĩa, chưa tự xoay vào lòng tạo điều kiện gây xúc cảm để lòng trắc ẩn thể hiện trong nếp sống. Nói theo ngôn từ Phật giáo là chưa “tự thấp đức lên mà đi” thì làm sao hạt giống tình thương trong nội tâm nảy nở, phát triển một cách tự nhiên trong cuộc sống.

Hơn nữa, hạt giống từ bi bị tâm chấp trước (phân chia đẳng cấp) của người dân Ấn Độ che lấp rất khó nảy nở và cũng không thể phát triển trong xã hội phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt.

Chính nhờ môi trường xã hội Việt Nam tràn đầy tính người và tình người đã tạo điều kiện thuận lợi cho hạt giống tình thương trong nội tâm của người Phật tử Việt Nam nảy nở và phát triển trong cuộc sống chan chứa tính người và tình người, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc. Người Phật tử Việt Nam ngộ nhận cho rằng do khái niệm từ bi trong giáo lý Phật giáo tạo nên.

Bình tâm sẽ thấy từ bi của người Phật tử Việt Nam là loại “từ bi phe nhóm”, mang nhãn hiệu tôn giáo (Phật giáo), chứ không phải loại tình thương đích thực hồn nhiên trong sáng. Thực tế cho thấy nó là loại từ bi ngăn cách lòng người, phân chia manh mún lòng người Phật tử. Trong sinh hoạt các sư, thiền sư không ai chịu ai không chùa nào chịu chùa nào, các thiền viện cũng vậy: lục hòa còn không thể hiện được trong đời sống, thì nói làm chi đến hai chữ từ bi.

Điều đó cho thấy trong tâm thức của người Phật tử Việt Nam có thật sự chấp nhận được người Kito giáo, Tin Lành kể cả người Hòa Hòa và Cao Đài không ?

Có một điều vô cùng quan trọng mà hầu hết Phật tử Việt Nam không tự nhận thấy là tâm chấp trước của mình càng ngày càng được củng cố rất vững mạnh. Trên thực tế cho đến lúc hấp hối người Phật tử vẫn chấp chặt giáo lý Phật giáo. Không ai bỏ bè và tự thấp đức lên mà đi như Đức Phật đã dạy. Đạo Phật là cuộc sống, là con đường giác ngộ chân lý. Chân lý ở ngay trong sự sống, trong chính con người của mình. Chân lý không ở trong kinh điển, trong giáo lý. Vua Trần Nhân Tôn đã khẳng định rằng chân lý không nằm trong Phật giáo mà nằm chính ngay ở giữa lòng cuộc sống; ngay cả giáo lý Phật giáo cũng phải buông bỏ mới có thể giác ngộ được. Cho nên Phật đã dạy: hãy nương tựa chính mình, không ai khác cho con có thể nương nhờ. Khi tự thân con thuần tịnh ấy là nơi nương nhờ tối thượng (Kinh Pháp Cú).

Đối với người nông dân Việt, cụm từ “có lòng” nghe rất bình dị mà lòng trắc ẩn vô cùng

xúc cảm hơn là hai chữ từ bi. “Có lòng với ông bà, có lòng với cha mẹ, có lòng với anh chị em, có lòng với họ hàng, có lòng với bạn bè, có lòng với hàng xóm, có lòng với đất nước, v.v...”

Có lòng là ăn ở như bát nước đầy với người thân, người sơ, người trên, người dưới, người sống, người chết. Cụm từ có lòng vừa diễn tả trung thực lối sống phải đạo của một người, vừa có ý khen, vừa liên tưởng với hằng tâm hằng sản. Có lòng là lối sống theo đạo làm người đúng với đạo lý dân tộc (Đông Phong, Bản Sắc Dân Tộc, NXB Đường Việt 2000, trang 18) thể hiện lối sống lấy con người làm gốc, với đạo lý thương người như thể thương thân.

Lối sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái đang là, với cái đang xảy ra, với cái hiện tiền) trong tính người và tình người ngay tại đây và bây giờ là sống đạo, ngoài ra không có đạo nào khác. Có thể nói người Việt Nam lấy tình thương xây dựng tâm thức với đạo lý “*thương người như thể thương thân*”.

Cho nên khi có thiên tai như hạn hán, lũ lụt, hỏa hoạn... không bao giờ người Phật tử tìm những lời dạy trong kinh điển viết lên biểu ngữ mà họ dùng ca dao tục ngữ: *người trong một nước phải thương nhau cùng, lá lành đùm lá rách, một miếng khi đói bằng một gói khi no, dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người, v.v....*

Người Phật tử quay về với dân tộc, lợi dụng ca dao tục ngữ, tiếng nói tâm thức của dân tộc, để dễ đi thẳng vào lòng người. Nó là chìa khóa mở cửa lòng trắc ẩn, đánh động lòng người. Khi thu được tiền, đạt được mục tiêu, họ vận dụng giáo lý “qua sông bỏ bè”, trở về chùa cảm ơn Phật. **Họ vứt bỏ dân tộc không thương tiếc**, quên cả **truyền thống nhớ ơn của dân tộc**, uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây.

Tóm lại có thể nói người nông Việt sống trong xã hội chan hòa tình thương trước khi thái tử Tất Đạt Đa sinh ra đời.

1.5 Phải Chẳng Phật Giáo Mang Tình Thương Đến Cho Dân Tộc Việt Nam?

Theo sách vở ghi lại suốt đời cho đến ngày nhập Niết Bàn, thái tử Tất Đạt Đa chưa bao giờ thấy tận mắt một xã hội có tính người và tình người ở Ấn Độ và Nepal.

Mặt khác thái tử Tất Đạt Đa trực nhận từ bi hỉ xả trong khi giác ngộ, với tâm tĩnh lặng, chứ không phải trên dòng sông sinh động của con người trong môi trường (xã hội và thiên nhiên) luôn luôn biến dịch không ngừng nghỉ.

Trái lại, tình thương trong nếp sống Việt không phát sinh từ lời thuyết giảng của một người ngộ đạo. Trong điều kiện nền tảng địa lý và môi trường sống với nếp sống nông nghiệp, trồng lúa nước, tình thương xuất phát từ lòng người, nảy nở và phát triển tự nhiên trong nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng (hòa cả làng) sống cùng với mọi người để mọi người cùng sống với mình, lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc.

Sau khi giác ngộ đức Phật đi thuyết pháp khắp nơi để đánh động hạt giống từ bi hỉ xả trong nội tâm của người Nepal và Ấn Độ để xây dựng một xã hội có tính người và tình người. Nhưng có lẽ từ bi chỉ thể hiện được trong tăng đoàn mà thôi (thực trạng Phật giáo Việt Nam hiện nay, các sư, các thiền sư “lục hòa” còn không tiêu hóa nổi nghĩa là không thể hiện được trong cuộc sống thực tiễn, thì nói làm chi đến hai chữ từ bi).

Hạt lúa không thể nảy nở tốt tươi trên mảnh đất khô cằn sỏi đá với thời tiết khắc nghiệt. Cho nên, hạt giống từ bi trong tâm của người Nepal và Ấn Độ cho đến ngày đức Phật nhập niết bàn cũng chưa có điều kiện thuận lợi nảy nở và phát triển trong xã hội. Phân chia đẳng cấp tồn

tại cho đến thế kỷ 19, hiện nay vẫn còn rơi rớt ở một vài nơi và trong tâm thức của một số người Ấn Độ cực đoan.

Trái lại như đã trình bày ở phần trên, nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, từ ngàn xưa, trước khi thái tử Tất Đạt Đa sinh ra đời, đã xây dựng cho người Việt Nam lối sống xem mọi người trong xã hội như là người thân trong gia đình, qua cách xưng hô đầy thân thương: chú, bác, cô, dì, cậu mợ, anh, chị, em... và một xã hội tràn đầy tình người với đạo lý thương người như thể thương thân. Làm sao đành lòng bắt chú, bác, cô dì, anh, chị, em mình làm nô lệ như ở Châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, và Ấn Độ, v.v...

Sau khi đức Phật nhập niết bàn, từ bi mà Thái Tử Tất Đạt Đa trực nhận được trong khi giác ngộ với tâm tĩnh lặng chứ không phải trên dòng sống sinh động của con người với môi trường sống luôn luôn biến đổi, dần dần trở thành khái niệm về từ bi; và “Phật đạo” cũng trở thành đạo Phật (tôn giáo) với những khái niệm về vô thường, duyên khởi, vô ngã, không, v.v....

Điều đó cho thấy các nhà sư Phật giáo, những nhà buôn Phật tử Ấn Độ chỉ mang vào Việt Nam những khái niệm về từ bi, chứ không phải là từ bi đích thực trong cuộc sống. Khái niệm, lời thuyết giảng, chữ nghĩa, kinh điển không phải là sự thật. Nó chỉ mô tả sự thật, cái bên ngoài con người.

Trái lại người nông dân Việt Nam ngày xưa được xông ướp trong tình thương từ trong bào thai cho đến khi khôn lớn trong xã hội tràn đầy tình người.

Mặt khác, thực tế cho thấy nước sơn từ bi là loại tình thương có nhãn hiệu phe nhóm, mang màu sắc tôn giáo. Loại tình thương làm ngăn cách lòng người (giữa những tín đồ của các tôn giáo) và phân chia manh mún tình người (giữa những tín đồ cùng một tôn giáo; giữa các Phật tử chẳng hạn; thực tế cho thấy trong thâm tâm thậm kín không có sự nào chịu sự nào và giữa các thiền sư cũng thế. Hệ lụy đó làm phân rẽ lòng người Phật tử). Cho nên trong thư Thầy Trò sư Viên Minh đã viết: Họ hô hào tình thương, bác ái nhưng thực chất là hận thù đối nghịch.

Những hạt giống tình thương trong nội tâm chỉ nảy mầm tươi tốt khi hội nhập và gặp gỡ môi trường xã hội đã chuyển tải tình thương vào dòng đời như xã hội Việt Nam chẳng hạn.

Thực tế cho thấy những thương nhân Ấn Độ, các nhà sư Phật giáo khi đến Việt Nam, họ chỉ đem khái niệm từ bi, khái niệm Phật đạo (vô thường, duyên khởi...). Ví như cây hoa sen Phật giáo nếu không có mảnh đất phì nhiêu màu mỡ (xã hội tràn đầy tình thương) của nền văn hóa Việt Nam thì liệu có kết lá đơm hoa tươi tốt hay chẳng? Câu trả lời là dĩ nhiên “không”, vì ngay trên quê hương đất Phật, một nước phân chia đẳng cấp vô cùng khắc nghiệt trải qua vài ngàn năm, tôn giáo này có thấy đổi được cái nhìn và cái tư duy của người Ấn Độ (Nepal) được đâu. Các vua Ấn Độ, Trung Quốc, Campuchia có thương người, thương dân như các vua Lý – Trần không?

Đây là một dẫn chứng cụ thể để cho những người và các tổ chức chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa ngoại nhập cho rằng các vua Lý – Trần có lòng thương người thương dân là nhờ ảnh hưởng của Phật giáo. Bình tâm thức tỉnh sáng suốt nhận chân cho đúng sự việc tránh những sai lầm đáng tiếc. Hành động đáng tiếc này vô hình chung là một hành động sĩ nhục được coi như con cháu dân Việt tự mình sĩ nhục ông bà tổ tiên mình.

2.0 Lời Phi Lộ:

Nếp sống tương nhượng hài hòa, sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình, chan chứa tình người và tình người cho thấy tổ tiên chúng ta đã lấy tình thương xây dựng tâm thức dân tộc với đạo lý “thương người như thể thương thân”, trước khi Thái Tử Tất Đạt Đa chưa sinh ra đời. Đạo lý tình thương không kêu cầu đến tôn giáo đã được gói ghém trong cấm nan giáo dục nhân bản tâm linh: *học ăn, học nói, học gói* (tình thương), *học mở* (trí tuệ), và được huyền thoại hóa qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng. Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (nôn Nhân), Cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí). Biểu tượng Mẹ Âu Cơ và Cha Rồng Lạc Long là **biểu hiện rực rỡ của tình thương và trí tuệ**. Chính tình thương và trí tuệ là định hướng của dân tộc Việt Nam trong mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm để con cháu Việt noi theo.

Đó là niềm hạnh diện của những người Việt Nam còn đứng được trên hai chân của chính mình, không chạy theo hiện tượng ngoại nhập, với nếp sống thuận lý theo thiên nhiên, sống trọn vẹn với cuộc sống trong tính người và tình người. Đạo lý tình thương lấy con người làm gốc và ***lấy tình thương xây dựng tâm thức của con người*** là xu hướng tất yếu của loài người đang hướng tới xây dựng nên văn minh nhân bản chan hòa tính người và tình người.

Cho nên việc khẩn thiết hiện nay là *tái thiết con người trên tình thương* để đặt con người đúng cỡ năng và bản vị đích thực của nó.

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org